TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ PĂH** **TỈNH GIA LAI** **------&------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** **----------&---------**

Bản án số: 05/2018/DS-ST
Ngày: 31/7/2018
V/v: "Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi tiền

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH - TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Hòa
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trịnh Văn Nguyên và Bà Hoàng Thị Hải.
- *Thư ký phiên tòa*: bà Huỳnh Nữ Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Păh, Gia Lai tham gia phiên tòa:* ông Đinh Trọng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2018, tại Toà án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 36/2017/TLST - DS, ngày 13/12/2017 về việc *"Tranh chấp hợp đồng dân sự đòi tiền*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐST- DS ngày 12 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2018/QĐST - DS, ngày 10 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: ông Đỗ Hồng T, sinh năm 1952

Địa chỉ: thôn B, thị trấn C, huyện C, tỉnh G.

Chỗ ở hiện nay: thôn 2, xã I, huyện C1, tỉnh G (có mặt)

Đại diện theo ủy quyền nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1955 (giấy ủy quyền ngày 17/01/2018).

Địa chỉ: thôn 2, xã I, huyện C1, tỉnh G (có mặt)

- *Bị đơn:* ông Trịnh Minh T1 và bà Phạm Thị X

Địa chỉ: thôn 1, xã I, huyện C1, tỉnh G (vắng mặt)

- *Người làm chứng*: Ông Nguyễn Văn T (tên gọi khác: H), sinh năm 1982.

Địa chỉ: thôn IL, xã I1, huyện C1, tỉnh G (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên toà hôm nay nguyên đơn ông Đỗ Hồng T trình bày:

Vào ngày 14/6/2013, ông T có cho ông Trịnh Minh T1 và bà Phạm Thị X vay số tiền 30.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,35%/tháng với 6 tháng trả lãi một lần, 6 tháng cuối trả lãi và gốc. Khi vay chỉ có một mình ông đứng ra cho vay, nhưng đây là tiền chung của ông với bà Nguyễn Thị H. Quá trình vay ông T1 bà X1 trả lãi được hai lần là vào ngày 14/12/2013 và ngày 14/6/2014 mỗi lần là 2.430.000đ. Còn số tiền gốc

30.000.000đ hẹn đến 14/7/2014 sẽ trả. Khi đến hạn trả nợ ông và bà H đã yêu cầu ông T1 bà X trả nợ nhiều lần, nhưng ông T1 bà X mới trả thêm được 10.000.000đ. Vì vậy ông khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Minh T1 và bà Phạm Thị X phải trả cho ông và bà H số tiền gốc 20.000.000đ, ông không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra ông không có yêu cầu gì thêm.

Đối với bị đơn là ông Trịnh Minh T1 và bà Phạm Thị X: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hoà giải, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T1 bà X không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày: đối với số tiền 30.000.000đ ông T cho ông T1 và bà X vay là tiền chung của bà với ông T, khi ông T1 và bà X đến vay tiền bà để ông T đứng ra cho vay số tiền trên, sau đó khi bà X trả tiền lãi và 10.000.000đ bà là người trực tiếp nhận. Vì vậy, trong vụ án này bà tham gia tố tụng với bên nguyên đơn, bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông Trịnh Minh T1 và bà Phạm Thị X phải trả số tiền gốc 20.000.000đ cho ông bà, không yêu cầu tính lãi suất. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, do đó Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu,chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn ông Trịnh Minh T1 và bà Phạm Thị X tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Qua xem xét tài liệu chứng cứ giấy vay tiền bản gốc do nguyên đơn cung cấp thì thấy rằng: ông Đỗ Hồng T có cho ông Trịnh Minh T1 và bà Phạm Thị X vay số tiền 30.000.000đ, hai bên thỏa thuận lãi suất 1,35%/tháng với 6 tháng trả lãi một lần, 6 tháng cuối trả lãi và gốc, giấy này do ông Trịnh Minh T viết, ông T1 và bà X có ký và

ghi họ tên. Sau đó đến ngày 14/12/2013 bà X trả được 2.430.000đ tiền lãi của 6 tháng đầu, đến ngày 14/6/2014 bà X trả lãi của 6 tháng cuối là 2.430.000đ và hẹn đến ngày 14/7/2014 sẽ trả 30.000.000đ tiền gốc. Việc vay mượn này là có thật.

Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc là 30.000.000đ, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn thừa nhận bị đơn có trả thêm 10.000.000đ do đó nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn phải trả số tiền còn lại là 20.000.000đ và không yêu cầu lãi suất. Xét việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên HĐXX chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tóa án theo quy định tại Điều 173 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T1, bà X không đến Toà án để làm việc, không cung cấp cho Toà án văn bản trình bày ý kiến cũng như các chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho mình. Như vậy, căn cứ Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông T1 bà X đã từ bỏ quyền chứng minh của mình đối với vụ án và không phản đối những tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn giao nộp cho Tòa án. Tại giấy vay nợ ngày 14/6/2013 cũng như lời trình bày của nguyên đơn thì nội dung giấy vay tiền thể hiện ông T1 bà X vay tiền của ông T, tuy nhiên số tiền vay này là của tiền chung của ông T và bà H và tại giấy vay tiền khi trả tiền lãi bà X cũng ghi nội dung trả tiền "*con X T trả tiền lãi bố mẹ H*", nên xác định bà H với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vì vậy, HĐXX buộc ông T1 bà X phải trả số nợ gốc còn lại là 20.000.000 đồng cho ông T và bà H.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 471; 474; 478 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đỗ Hồng T. Buộc ông Trịnh Minh T1 và bà Phạm Thị X phải có nghĩa vụ trả cho ông Đỗ Hồng T và bà Nguyễn Thị H số tiền là: 20.000.000đ *(hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Buộc ông Trịnh Minh Th và bà Phạm Thị X phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.000.000đ (*một triệu đồng*). Hoàn trả lại cho ông Đỗ Hồng T số tiền

tạm ứng án phí đã nộp là 750.000đ (*bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0002384, ngày 13/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND h. Chư Păh;
-THADS h. Chư Păh;
-Đương sự;
-Lưu HSVA.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Văn Nguyên Hoàng Thị Hải Lê Thị Hòa